

VỀ CHỦ NGHĨA TRỌNG THƯƠNG Ở PHÁP THẾ KỶ XVI-XVII

Ths. Nguyễn Mạnh Dũng
Viện Sử học

Từ cuối thế kỷ XV, châu Âu bắt đầu công cuộc chinh phục thế giới nhờ vào những cuộc phát kiến địa lý vĩ đại. Còn trong địa vực châu Âu, công cuộc Phục Hưng cũng đang đạt đến cao trào, trong đó cốt lõi là đề cao tư tưởng tư sản, đề cao cá nhân, tập trung phê phán bóc lột, phê phán và chống lại chế độ sở hữu phong kiến, tư tưởng chống Nhà thờ cũng phát triển mạnh.

Sau sự giảm sút đột ngột về dân số mà nguyên nhân chính là do bệnh dịch và chiến tranh, từ nửa sau thế kỷ XV, dân số châu Âu tăng trở lại, cùng với đó là hoạt động kinh tế ngày càng nhộn nhịp. Kinh tế là ngọn nguồn, là niềm cảm hứng trong công cuộc thuộc địa hóa, nhu cầu buôn bán và hoạt động khai thác/bóc lột (exploitation) của các công ty thương mại. Đi cùng với đó là rất nhiều các lĩnh vực phục vụ kinh tế được thúc đẩy nhanh chóng như trong lĩnh vực nông nghiệp (giống cây trồng được du nhập), ngành công nghiệp mở rộng từng ngày nhất là xuất nhập các kim loại quý từ ngoài châu Âu, hoạt động tài chính sôi động... Đặc biệt, để có thể dự nhập vào hoạt động đó, những dạng chính thể nhà nước mới đã ra đời ở cuối thời Trung đại (lập hiến - chuyên chế tuyệt đối).

Từ những khía cạnh khác nhau trên, một nhận thức mới về vai trò của thương nghiệp đã hình thành. Trước đó, lý thuyết về *bullionism* (chính sách vàng bạc nén ra đời ở Anh quốc) nhấn mạnh đến hoạt động nhằm chiếm đoạt kim loại quý (vàng, bạc) rất được Tây Ban Nha và một số nước Tây Âu khác coi trọng, tán dương. Trên thực tế, *bullionism* (bullionisme, còn được gọi là *chủ nghĩa trọng kim*¹) không chỉ là chính sách thuần túy về kinh tế, trong bối cảnh của những phát kiến địa lý, nó còn mang tính chất chính trị, có mối quan hệ tương hỗ với các hoạt động quân sự². Lúc này, để có thể

¹ Giai đoạn đầu có các đại biểu như William Stafford (1554-1612), Thomas Gresham (1519-1579) và Gasparo Scaruffi (1519-1584) với lý thuyết cân đối tiền tệ, chủ trương tăng sở hữu tiền như một dạng của cải thông qua luật định (hạn chế xuất khẩu, lợi tức cho vay...). Giai đoạn sau phát triển mạnh mẽ ở thế kỷ XVII, có các đại diện: Thomas Mun (1571-1641), Antonso Serra và Antoine de Montchrétien (1576-1621) với luận thuyết cân đối thương mại chủ động (cấm xuất nguyên liệu, cho xuất khẩu tiền). Chủ nghĩa trọng thương giai đoạn này còn được gọi là *chủ nghĩa thịnh dư thương mại*. Những nhà hoạt động kinh tế nói trên tuy sống ở các nước khác nhau và không có sự trao đổi gì với nhau nhưng họ đã có những quan điểm trùng hợp. Trường phái này không chỉ biểu hiện qua lý thuyết, mà còn là một phần của truyền thống văn hóa-chính trị.

² Xem thêm Heckscher F, *Mercantilism*. George Allen and Unwin, London, 1935.

đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong đời sống kinh tế-xã hội, yêu cầu bức thiết phải có một lý thuyết kinh tế dẫn dắt hay giải thích hiện tượng đang diễn ra. Và chủ nghĩa trọng thương (mercantilism)³, một lý thuyết kinh tế mới đã ra đời, *một mặt* nó là sự tiếp nối của chính sách *bullionism*, *mặt khác*, trong thời đại mới, nó cũng là sự phủ định lý thuyết kinh tế đó⁴.

Về nguyên nhân ra đời trước nay vẫn được giới kinh tế học bàn đến như là hệ quả tất yếu của một bối cảnh kinh tế-xã hội mới, và phần lớn những nhà kinh tế thời đó (thế kỷ XVI-giữa thế kỷ XVIII) lại chính là những nhà duy thương (mercantilistes). Dưới góc độ sử học, trước hết đó không phải là một hệ tư tưởng thuần nhất. Chủ nghĩa trọng thương không phải là một trào lưu tư tưởng (theo đúng nghĩa) vì đó không phải là một lý thuyết kinh tế thống nhất. Nếu như Bá tước Mirabeau là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ "mercantilisme" năm 1763, thì chính Adam Smith là người phổ biến rộng rãi nó năm 1776 trước khi thuật ngữ này được các nhà sử học chấp nhận.

Một quan niệm kinh tế hay một lý thuyết kinh tế mới đã ra đời ở châu Âu (Tây Âu) và được phổ biến rộng rãi. Đối với nước

Pháp dưới thời của Louis XIV (cq: 1638-1715), chủ nghĩa trọng thương vừa có những nét chung khu vực, vừa có những đặc điểm riêng biệt⁵. Dưới thời cầm quyền của Tổng quản tài chính Jean-Baptiste Colbert (1619-1683)⁶, chủ nghĩa duy thương mang màu sắc "Pháp hóa", như nhiều nhà nghiên cứu (sau này) vẫn hay sử dụng đã được "Colbert hóa", hay mang chủ nghĩa Colbert (Colbertisme).

1. Nguồn gốc và đặc trưng của quan niệm duy thương sơ kỳ ở Pháp

Các nhà nghiên cứu sử học và lịch sử kinh tế Pháp đều cho rằng tư tưởng duy thương ra đời ở Pháp do những tác động rất mạnh mẽ của những yếu tố bên ngoài hay đúng ra những tác nhân chuyển mình ở Tây Âu đã đóng vai trò quyết định cho sự thay đổi ở Pháp. Mặt khác, là một vương quốc vốn tự hào về "trung tâm văn minh", lại dưới thời của vị vua chuyên chế nổi tiếng bậc nhất ở Tây Âu (Louis XIV), chủ nghĩa duy

⁵ Chủ nghĩa trọng thương kim tiền (métalliste như Tây Ban Nha), chủ nghĩa trọng thương công nghiệp (industrialiste như Pháp), chủ nghĩa trọng thương thương nghiệp (commercialiste như Anh, Hà Lan), chủ nghĩa trọng thương tín dụng (fiduciaire).

⁶ Jean-Baptiste Colbert, phụ trách tài chính từ 1665-1683 dưới thời Louis XIV. đương thời, Colbert được miêu tả như "một người miền Nam" vì sự lạnh lùng và ít cảm xúc. Colbert nổi lên trong việc chèo lái nền kinh tế Pháp bên bờ vực sụp đổ. Tuy vậy, các nhà nghiên cứu cho rằng, với những cố gắng của Colbert, nước Pháp vẫn rơi vào nghèo đói, mà nguyên nhân quan trọng nhất là sự chi tiêu quá nhiều cho chiến tranh và cho đời sống vương thất của vua Louis XIV. Các chính sách, chủ trương, nội dung các đạo dụ, cũng như cuộc đời của J.B.Colbert có thể tham khảo được đầy đủ trong Pierre Clement, *Lettres, instructions et mémoires de Colbert*, 5 tập, xuất bản tại Paris từ năm 1863-1869.

³ Trong ngữ hệ Latin *mercari* có nghĩa là buôn bán (thương mại), *merx* có nghĩa là hàng hóa. Ở đây một số chỗ tiếng Việt chúng tôi có sử dụng *chủ nghĩa duy thương*, hay *duy thương* đều nhằm vào khái niệm của từ *mercantilisme* (mercantilism).

⁴ Tây Ban Nha là nước nắm trong tay một khối lượng kim loại quý, chủ nghĩa trọng thương ra đời nhấn mạnh đến hoạt động buôn bán, trao đổi, cân bằng thương mại, phủ định độc chiếm tài nguyên...

thương ở Pháp vừa mang những đặc điểm khu vực vừa có những đặc trưng riêng biệt.

Về mặt kinh tế, nền công xã trung đại trên thực tế vào thời kỳ này đã để lại gánh nặng cho nhà nước Pháp trong đời sống kinh tế xã hội. Theo truyền thống, các vấn đề xã hội là do Nhà nước ban hành và xử lý trái ngược với lĩnh vực kinh tế. Đầu thế kỷ XV, phá vỡ truyền thống vốn có, chính Nhà nước đã tham dự tích cực vào các hoạt động buôn bán của giới doanh thương và trở thành người giám sát các hoạt động với bên ngoài (ngoại thương). Trong phạm vi khu vực, thời kỳ đại suy thoái kinh tế (giữa thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVII) đã khiến cho vị thế của nước Pháp vốn rất được coi trọng ở Âu châu, ngày càng yếu kém; cùng với việc dân số giảm mạnh (do nhiều nguyên nhân) đã tác động rất lớn đến sản xuất nông nghiệp, theo sau là vô khối những vấn đề khác trong đời sống văn hóa-xã hội⁷. Một trong những vấn đề đó là cuộc đấu tranh xung đột tôn giáo ở Pháp, đỉnh cao là Chi dụ Nantes đã khiến cho 15 vạn đến 18 vạn tín đồ Tân giáo rời khỏi Pháp, rất nhiều người trong số họ sau đó là những chủ doanh nghiệp, chủ nhà băng... rồi số công nhân, nhân viên làm việc cho họ cũng theo sang nước ngoài đầu tư, kinh doanh⁸.

Ngay sau cuộc Chiến tranh 100 năm (1337-1453), Pháp nhận thấy một vấn đề hết sức quan trọng lúc đó chính là nạn chảy máu

vàng, bạc có thể làm hủy hoại và làm "sụp đổ" cả vương quốc (lúc này giấy bạc hay hình thức khác như cổ phiếu và trái phiếu sau này đều chưa tồn tại). Trong một tuyên cáo năm 1456 nhấn mạnh: "*Có một sắc chi ở Anh xưa kia là không bao giờ cho thương nhân mang ra khỏi vương quốc vàng và bạc, cho dù ít, nhưng có thể thoải mái mang hàng hóa ra ngoài [...]*". Trước thực trạng đó, vua Pháp lúc đó là Louis XI (cq: 1461-1483), một mặt ban hành nhiều chính sách nhằm kích thích buôn bán (tổ chức hội chợ ở Lyon), mặt khác cũng hạn chế thăm viếng hơn đến Tòa thánh. Qua các chi dụ, Nhà vua tỏ rõ việc khuyến khích khai mỏ, sản xuất các mặt hàng như len dạ nhỏ và mỏng, cùng với đó là hạn chế tối đa mua/nhập các mặt hàng xa xỉ. Động thái này của Triều đình mà nhiều nhà nghiên cứu vẫn thường gọi là chủ nghĩa can thiệp (*interventionnisme*) nhằm vào hai mục tiêu đương thời: *Thứ nhất*, đáp ứng lợi ích của những thương nhân lớn và nhu cầu tài chính cho Triều đình\Nhà vua; *Thứ hai*, nâng cao ý thức hơn đến sự đoàn kết vốn rất "eo hẹp" giữa sức mạnh của thể chế chuyên chính với sự hưng thịnh quốc gia⁹.

Trong phạm vi khu vực, hầu hết các nước Tây Âu thế kỷ XVI đều theo khuynh hướng chủ nghĩa can thiệp kinh tế. Theo các nhà sử học, kinh tế học, dần dà hình thành

⁷ Cuộc khủng hoảng lương thực, chất lượng cuộc sống giảm, tiêu thụ và sự nghèo đói nơi thành thị...

⁸ Valérie Debrut, *Le Mercantilisme à la Française*. L'actualité Poitou-Charentes, No 81-2008, pp. 26-30.

⁹ Đây là vấn đề hệ trọng lúc đó. Việc có thể dung hòa và xử lý các mối liên hệ trên là rất khó khăn. Do tầng lớp thương nhân (tư sản) còn chưa được nhìn nhận rộng rãi trong Triều đình, nên Nhà vua đã tìm lại những quy định trước đây liên quan đến hoạt động buôn bán, sản xuất... cố gắng minh chứng, lôi kéo sự chấp thuận tư duy duy thương của Pháp hiện tồn.

nên cái gọi là khoa học về sự giàu có (*science des richesses*). Từ năm 1515, Claude Seysel (từng là cố vấn của vua Louis XII) đã tuyên bố rằng sức mạnh của đất nước dựa trên trữ lượng vàng và bạc, do vậy Nhà nước phải cấm tất cả các hoạt động xuất khẩu những mặt hàng là tài sản quốc gia. Vài tháng sau, trước Nghị viện Pháp, Chủ tịch A. Duprat (1463-1536) nhấn mạnh lại vấn đề trên.

Ở các nước Tây Âu, nhà nước rất chú ý đến các hoạt động liên quan đến tiền tệ, khắp nơi được khuyến cáo chấm dứt chuyển tiền ra nước ngoài. Ở Pháp, người dân cũng nhận được các chi thị vào các năm 1506, 1540, 1548, 1574... Thí dụ, năm 1539, một sắc lệnh cấm nhập len từ Tây Ban Nha, một phần từ Phần Lan; năm 1540 thắt chặt xuất khẩu vàng... Những biện pháp bảo vệ này tăng lên nhanh chóng trong suốt thế kỷ XVI. Từ cái nhìn so sánh, giới nghiên cứu cho rằng những biện pháp mang tính can thiệp ở Pháp thể hiện rõ nhất sự can thiệp trực tiếp của Triều đình¹⁰, đa dạng và mang tính hệ thống nhất dưới thời của Henry IV, nhất là Louis XIV.

Như vậy, cùng với những di sản của Tây Âu Trung đại và chủ nghĩa can thiệp nhà nước trên, từ cuối thế kỷ XV - đầu XVI, ở hầu hết các nước châu Âu đã xuất hiện và ngày càng phổ biến tư tưởng trọng thương. Trong số những nước châu Âu, chỉ có Anh

và Pháp có khả năng thực thi một chính sách kinh tế chặt chẽ và khá hiệu quả ở thế kỷ XVII. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gay gắt, Pháp sớm chủ trương khuyến khích "chủ nghĩa dân tộc kinh tế". Cùng với đó, việc hiện đại hóa bộ máy Nhà nước cũng đã góp phần đẩy mạnh tư tưởng duy thương cũng như một sự "thế tục hóa" những tư tưởng chính trị.

Trong số những nhà tư tưởng biểu thị cho khuynh hướng duy thương, can thiệp và bảo hộ trong triều đình Pháp thời kỳ này có ba nhân vật rất được trông đợi và có vai trò lớn là Barthélemy Laffemas (1545-1612), Jean Bodin (1530-1590), Antoine Montchrétien (1575-1621).

Jean Bodin sinh ra trong một gia đình tư sản, những năm 1650 học luật La Mã tại Đại học Toulouse. Trong tác phẩm *Réponses aux paradoxes de M. de Malestroit touchant l'enchérissement de toutes choses*, Jean Bodin đề cập đến sự liên hệ giữa việc tăng giá và dòng chảy kim loại quý (vàng, bạc). Jean Bodin cho rằng sự giàu có của đất nước là nhờ có được một lượng tiền (mặt) dồi dào. Năm 1576, trong *République*, Jean Bodin cho rằng biện pháp can thiệp và bảo hộ là cần thiết để chuyển sang thời kỳ duy thương trên cơ sở đề cao sức mạnh tuyệt đối của nhà nước, và chỉ bắt buộc phải theo những luật lệ tự nhiên mang tính thần thánh. Được coi là cha đẻ của kinh tế học chính trị, Antoine Montchrétien hết sức coi trọng nền công nghiệp nhà nước. Qua *Traité d'économique*

¹⁰ Thí dụ, François đệ nhất đã thành lập một xưởng len dạ của hoàng gia ở Fontainebleau..., cũng như việc đầu tư vào những công ty thương mại.

politique (công bố năm 1615)¹¹, những luận đề của Montchrétien về kinh tế trở thành các luận điểm phản ánh đầy đủ nhất về chủ nghĩa trọng thương hiện tồn ở Pháp.

Nhìn chung, ngoài những luận đề kinh tế học sơ khai vốn đã được biết đến trong giới nghiên cứu lịch sử kinh tế, ở đây xin nhấn mạnh đến những tư tưởng là cơ sở, điều kiện cho việc ra đời các công ty hàng hải lớn ở thời kỳ này (ở Pháp là các công ty như Morbihan, Nouvelle-France...) và đến đầu thế kỷ XVII hình thành các công ty Đông Ấn (East India, hay Indes Orientales) hùng mạnh và rất nổi tiếng khi nghiên cứu lịch sử hàng hải thế giới như VOC của Hà Lan, EIC của Anh quốc, mãi sau này là CIO của Pháp. Trên đại thể, cả ba người đề xuất chủ trương trên đều là những người thuộc tầng lớp trên hay vốn xuất thân từ tầng lớp tư sản, thậm chí Barthélemy Laffemas còn là tổng quản về thương mại (năm 1602) dưới triều vua Henri IV. Cho nên, những đề xuất của họ rất nhanh chóng được thực thi, sớm đi vào cuộc sống.

2. Chủ nghĩa trọng thương Colbert hay "Chủ nghĩa trọng thương kiểu Pháp"

Jean-Baptiste Colbert vốn là một quý tộc áo dài nắm quyền về tài chính, sau đó trở thành tổng quản tài chính năm 1665 thay cho N.Fouquet (1615-1680). Trong những thập niên 60-80 của thế kỷ XVII, Colbert sớm nổi lên như một nhà hoạch định chương trình cải tổ sâu rộng ở Pháp (trong gần 1 thế kỷ).

Trong chương trình cải cách thương mại đề trình lên vua Louis XIV năm 1670, theo Colbert, mục tiêu cao nhất của Triều đình lúc đó là giảm nợ, tiến tới xóa nợ, giảm thiểu thâm hụt Nhà nước, chỉnh đốn ngân sách, bãi bỏ chênh lệch cố hữu giữa thu và chi, làm giàu cho vương quốc, "*tiền mà thần dân góp góp bằng lao động và thành quả của họ thu nhận được từ đất đai và nền công nghiệp của họ mang lại cho họ*". Để làm được việc đó, Colbert cho cơ cấu lại bằng cách giảm thuế "trực tiếp" - thuế thân, tăng thuế "gián tiếp": thuế quan, thuế muối, thuế gián thu.

Colbert cho rằng chỉ có một lượng tiền lưu hành ở châu Âu vậy nên "*cần phải tăng lượng tiền trong buôn bán chung, gom về từ các nước mà nó quay vòng, dự trữ ở trong nước, ngăn không cho nó xuất ra ngoài, và cho người dân các phương tiện để đạt được lợi nhuận [...] Chỉ có duy nhất và chỉ nhờ có buôn bán mới có thể đạt được hiệu quả to lớn này*". Hay đơn giản trong ý tưởng của Colbert là làm sao thu về tối đa kim loại quý (vàng, bạc) cho nước Pháp và giữ chúng trong nước¹².

Trong quá trình giảm thiểu nhập khẩu và thực thi chủ nghĩa bảo hộ, Colbert chủ trương "hoàng gia hóa" các công xưởng hay các xí nghiệp được Nhà nước bảo trợ. Nhà nước tăng cường sản xuất những mặt hàng vốn phải nhập khẩu từ bên ngoài, tăng sản xuất cùng với đó là tăng chất lượng hàng hóa. Thời kỳ này nổi lên vài công trường

¹¹ Antoine de Montchrétien: *Traité de l'économie politique*, Geneve - London, 1999.

¹² Valérie Debrut, *Le Mercantilisme à la Française*. L'actualité Poitou-Charentes, No 81-2008, pp. 26-30.

công nghiệp như Saint-Gobain (sản xuất gương), Gobelins (sản xuất đồ gỗ phục vụ cho hoàng gia và len dạ cho các lãnh chúa), có cả một gian trưng bày Glaces ở Versailles trưng bày những sản phẩm của xưởng Saint-Gobain...

Colbert cũng ban hành nhiều các quy định liên quan đến hoạt động kinh tế nói chung. Thậm chí, tính ra hàng năm có khoảng 38 quy định và 15 sắc lệnh, trong đó chi tiết hóa và cụ thể hóa rất nhiều những mặt hàng như về chiều dài, rộng... của tấm dạ, tấm ga... Nhân công được tuyển dụng dưới mọi hình thức từ người "ăn không ngồi rồi", từ đám ăn xin hay nhân công nước ngoài... Cùng với đó, một đội ngũ những giám sát viên được cử đi để kiểm tra, đôn đốc thực thi các quy định sắc lệnh được ban hành. Công việc đó được báo cáo cẩn thận và thường xuyên về cho Triều đình.

Chủ nghĩa trọng thương kiểu Pháp còn được thể hiện ở việc ban hành biểu thuế hải quan với mục đích bảo hộ, thực chất là dựng lên hàng rào thuế quan. Năm 1664, sắc lệnh đầu tiên được ban hành liên quan đến mặt hàng như sáp ong, thiếc, dầu, xà phòng, tơ lụa... được chuyên chở bằng tàu thủy Anh quốc, nhất là Hà Lan. Năm 1667, biểu thuế mới được ban hành gấp đôi so với biểu thuế 1664, rồi sau đó tăng gấp 3 lần. Một bên Pháp tuyên bố "cuộc chiến giá cả" với Hà Lan, thì bên này, Hà Lan đáp trả bằng việc thả tay hơn với các sản phẩm nhập từ Pháp như muối, rượu. Cuộc chiến đó kéo dài cho

tới khi chấm dứt cuộc xung đột quân sự năm 1672.

Cũng như ở các nước châu Âu khác, từ đầu thế kỷ XVII, Pháp cũng đã thành lập các công ty hàng hải¹³. Trong bối cảnh mới hiện tồn, để chinh phục các thị trường trên khắp thế giới, bảo vệ hoạt động trong nước (nhất là hoàng gia) và thu lợi nhuận cao nhất, Colbert cho thành lập rất nhiều các công ty thương mại và hàng hải vào hai thập niên 60-80 với quy mô ngày càng lớn, mang trong nó tham vọng tràn trề của Colbert: Công ty Tây Ấn (C. des Indes occidentales, thành lập năm 1662, hoạt động ở châu Mỹ và châu Phi), Công ty Đông Ấn (C. des Indes orientales, lập năm 1664, hoạt động ở Ấn Độ Dương và Viễn Đông), Công ty Phương Bắc (C. du Nord, thành lập năm 1669, hoạt động ở Bantích, Nga), Công ty Sênêgal (C. du Sénégal, thành lập năm 1673), Công ty Ghinê (C. du Guinée, lập năm 1685)¹⁴...

Nhìn nhận lại hoạt động thực tế của các công ty trên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng hai công ty Tây và Đông Ấn được chuyên biệt hóa trong hoạt động buôn bán nô lệ (traite d'esclaves) và được biệt đãi rất lớn. Theo đó, Nhà nước đã cung cấp gần 42% (Vua góp: 3 triệu *livres*, quý tộc: 1.3 triệu *livres*, quan chức Triều đình: 0.8 triệu *livres*,

¹³ Năm 1604, Thượng thư Sully cho thành lập Công ty Đông Ấn đầu tiên, năm 1611 được đổi thành Công ty Mũi Hào Vọng.

¹⁴ Về mục tiêu thành lập của các công ty này dưới góc độ kinh tế, xem thêm Ph.Haudrère, *The "Compagnie des Indes" and Maritime Matters*, trong Jaap R. Bruijn and Femme S.Gaastera eds, *Ships, Sailors and Spice, East India Companies and Their Shipping in the 16, 17 and 18th Centuries*. Amsterdam: Neha, 1977.

khác: 5.1 triệu *livres*) cho Công ty Đông Ấn, 57% cho Công ty Tây Ấn¹⁵ và khuyến khích mọi thành phần trong nước đầu tư vào nó¹⁶. Kết quả hoạt động của người Pháp ở hải ngoại đã hình thành nên những thuộc địa đầu tiên của Pháp được hợp thành từ những thương điểm ở hải ngoại như Saint Louis ở Sénégal, Pôngdisêri (Ấn Độ), Pho Đôphanh (Madagascar), cùng các thuộc địa đông dân cư trong quá trình khai thác buôn bán thế kỷ XVII như Louisane, Nouvelle-France ở Canada, các đảo Ăng-ti. Trong nhận thức của Colbert, "những thương điểm ở hải ngoại tạo ra sự giàu có và sức mạnh của Nhà nước mà nó mang đến đây", vì vậy phải tìm mọi cách để thiết lập được các thương điểm ở khắp mọi nơi¹⁷. Còn "thuộc địa" đối với Pháp lúc này, một mặt như một "đại thị trường bên trong" đáp ứng nhu cầu mục tiêu kinh tế¹⁸; mặt khác, các cơ sở ở thuộc địa không chỉ mang lại sự giàu có cho nước Pháp mà bản phận của những nước "văn minh" là phải "khai hóa", "đồng hóa" những "man dân" ở

đây, cũng như để cạnh tranh với những nước châu Âu khác¹⁹.

Dẫu vậy, kết quả các hoạt động trên lại không như mong đợi của Colbert. Một phần nguyên do từ cuộc cạnh tranh quyết liệt trên khắp thế giới, nhất là các cường quốc hải thương châu Âu với nhau, tuy nhiên có lẽ phần lớn nằm ở chính nội bộ nước Pháp. Đó chính là mâu thuẫn cố hữu, như nghiên cứu về hoạt động của các công ty sau này cho thấy²⁰, giữa một bên là chủ nghĩa (kinh tế) Nhà nước trong công ty với một bên là quyền tự do độc lập của các công ty này. Công ty Tây Ấn sụp đổ năm 1672 (sau 10 năm) hay sự làm ăn yếu kém của Công ty Đông Ấn²¹ sau này là hệ quả của tình trạng trên.

Cùng với sự giàu có tăng lên nhanh chóng nhờ khai thác thuộc địa, Colbert tiến hành đổi mới và tái cơ cấu lại bên trong vương quốc. Một phần của mục tiêu này là làm cho các hoạt động tài chính khác trở nên minh bạch và kiểm soát dễ dàng hơn. Colbert tiến hành tăng mạnh thuế lưu thông và tiêu thụ. Để kích thích sản xuất và tiêu thụ, Colbert quyết định giảm mạnh thuế thân (từ

¹⁵ Pierre H.Bouille, *French Mercantilism, Commercial Companies and Colonial Profitability*, trong Jaap R.Bruijn and Femme S.Gaastra eds, *Ships, Sailors and Spice, East India Companies and Their Shipping in the 16, 17and 18th Centuries*. Amsterdam: Neha, 1977.

¹⁶ Các công ty có đặc quyền rất lớn như độc quyền về địa lý và sản phẩm, Nhà nước thường chiếm 20-25% vốn. Hầu hết những công ty này (trừ CIO) đóng trụ sở tại Lorient, không bị cuốn vào cuộc chiến tranh của Louis XIV. Valérie Debrut, *Le Mercantilisme à la Française*. L'actualité Poitou-Charentes, No 81-2008, pp. 26-30.

¹⁷ Dẫn theo Alain Clément: *Les mercantilismes et la question coloniale aux XVIe et XVIIe siècles. Outre-mers: revue d'histoire*. No 348-349, 2005.

¹⁸ Antoine de Montchrétien: *Traité de l'économie politique*, Geneve - London, 1999, p. 197.

¹⁹ Antoine de Montchrétien: *Traité de l'économie politique*, Geneve - London, 1999, p. 196. Xem thêm Alain Clément: *Les mercantilismes et la question coloniale aux XVIe et XVIIe siècles. Outre-mers: revue d'histoire*. No 348-349, 2005.

²⁰ Xem thêm Nguyễn Mạnh Dũng: *Về hoạt động của Công ty Đông Ấn Pháp với Đại Việt (Nửa sau thế kỷ XVII - giữa thế kỷ XVIII)*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2006 (9-365), tr. 51-64; *Hoạt động của Công ty Đông Ấn Pháp ở Siam (trong nửa sau thế kỷ XVII)*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2007 (4-372), tr. 35-48.

²¹ Xem Frédéric Mantine, *Les relations politiques et commerciales entre la France et la péninsule Indochinoise (XVII^e siècle)*, Les Indes savantes, Paris, 2001.

52 triệu livres dưới thời Fouquet xuống còn hơn 33 triệu livres).

Ở khía cạnh khác, trên cơ sở của luật pháp, Colbert được vua Louis XIV cho soạn lại và ban hành rất nhiều dụ như *Dụ về Rừng, Nước, Thương mại, Dân sự, Hình sự...* Đạo dụ đầu tiên được ghi nhận năm 1669 về việc tái hợp đất đai thuộc hoàng gia cũng như tái cơ cấu lại rừng. Đạo dụ liên quan đến thương mại được biết đến dưới hình thức "Luật Savary" ban hành năm 1673 với rất nhiều quy định cụ thể như về thương nhân, vốn, hội buôn, giao dịch, phá sản, tranh chấp, xét xử... Nhiều nhà nghiên cứu sử học và lịch sử pháp luật sau này cho rằng đạo dụ này trở thành điều kiện tiền đề cho đạo luật về thương mại được ban hành năm 1807 dưới thời của Napoléon đệ Nhất. Tuy nhiên, thực tế lịch sử cho thấy, hệ thống thuế khóa này tỏ ra thiếu công bằng và kém hiệu quả nhất khi áp dụng chi trả cho đối tượng là nông dân. Mục đích của những đạo dụ đó phần lớn nhắm đến lĩnh vực quân sự hay chiến tranh mà thôi²².

3. Hệ quả của "hệ thống duy thương Pháp"

Trong thời gian đương quyền, Colbert đã tỏ ra rất táo bạo trong những dự định bành trướng, đưa nước Pháp nhanh chóng trở

thành một cường quốc ở Âu châu²³. Với uy thế chính trị, các kế hoạch của Colbert hầu như không bị phản ứng hay chỉ trích gì từ phía chống đối. Tuy vậy, ngay sau khi qua đời (1683), Colbert đã trở thành tấm bia cho các lời chỉ trích, các cuộc bút chiến từ những người bất đồng chính kiến, những lời tố cáo từ những người theo thuyết trọng nông (physiocrates) và các nhà kinh tế tự do.

Về đại thể, sau năm 1683, những nguyên tắc của chủ nghĩa trọng thương Colbert trở nên xơ cứng, trong khi đó cấu trúc tư bản đã trở nên hoàn bị và đang ở giai đoạn phát triển mạnh mẽ. Nếu như sản xuất trong nước dưới thời Colbert được kích thích mạnh, sản phẩm tăng lên, du nhập kỹ thuật tiên tiến, tăng mạnh xuất khẩu thì trở trêu là các công ty khai thác thuộc địa và thương mại lại phần lớn làm ăn thất bát, thậm chí ngay cả trong thời gian Colbert còn đương quyền. Các công ty thực dân mất đi trợ lực từ giới doanh thương²⁴ nên dần đi vào suy thoái và phá sản hàng loạt.

Đến cuối thời kỳ trị vì của vua Louis XIV, nền kinh tế Pháp, vốn trước đó đã bị chỉ trích mạnh mẽ, đang đà suy thoái. Nguyên nhân chủ yếu, theo nhiều kinh tế gia đương thời, là do hiệu ứng xấu từ chủ nghĩa

²² Ví dụ, đạo dụ về thương mại, về hàng hải (1681) cho thấy thương mại đảm bảo cho nước Pháp xây dựng và vũ trang cho những đội tàu lớn để vượt biển, và dùng để tăng cường sức mạnh quân sự trên bộ và trên biển, để duy trì an ninh. Yves Charbit, *Les colonies françaises au XVII^e siècle: mercantilisme en enjeux impérialistes européens*. Revue européenne des migrations internationales, vol.22-n0 1-2006. En ligne: 01-4-2009, remi.revues.org.

²³ Đầu thế kỷ XVIII, lực lượng hải quân thường trực của Pháp là hải đội duy nhất trong các nước châu Âu có thể so được tàu chiến của Anh (Navy). Emmanuel Métais, Pierre-Xavier Meschi, Jacques Colin, *La royale ou l'extraordinaire renaissance de la marine Française sous Louis XIV. Stratégie et politique générale*. Centrale des Cas et des Média Pédagogiques, Paris, 2004.

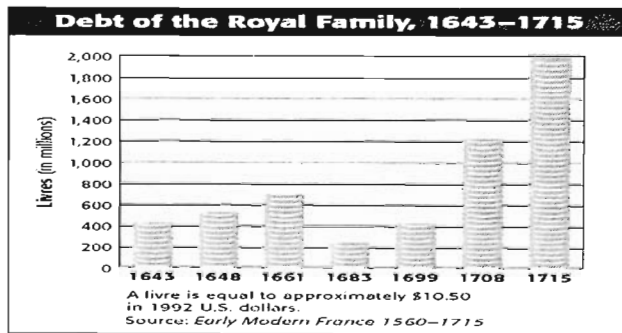
²⁴ Xem: *Chủ nghĩa trọng thương Pháp thời hậu Colbert* trong: Lionel Rothkrug, *Opposition to Louis XIV: the Political and Social Origins of the French Enlightenment*, Princeton, 1965.

Colbert. Trong khu vực, lúc này mối liên kết giữa các nước châu Âu suy yếu từ việc nhập về vàng, bạc giảm mạnh, cùng với đó là một phong trào giảm giá càng làm cho những vấn đề của nước Pháp trở nên căng thẳng, nhất là khủng hoảng tài chính hoàng gia, khủng

hoảng nông nghiệp. Lúc này Nhà nước không thể giữ được cân bằng hệ thống thuế thiết lập từ thời Colbert có nguồn gốc dựa vào nợ công. Tội tệ hơn là tiền nợ từ hoàng gia Pháp tăng vọt trong thập niên đầu thế kỷ XVIII.

Số tiền nợ của hoàng gia Pháp trong những năm từ 1643-1715

(đơn vị: triệu livre, 1 livre tương đương 10,5USD của năm 1992)



Nguồn: Robin Briggs, *Early Modern France, 1560-1715*. Oxford University Press (New York), 1977.

Hơn nữa, đối với kế hoạch xã hội, chủ nghĩa trọng thương là biểu hiện sự "chuyển nhượng trong sự giàu có" hay làm giàu cho những người giàu. Những nhà tư sản vốn đi ra từ thời kỳ Phục Hưng, khao khát kiếm được nhiều tiền, là những người chịu trách nhiệm của cuộc cách mạng kinh tế. Những duy thương gia là những thương nhân và chủ doanh nghiệp, một cơ thể thống nhất, có chung lợi ích và hài hòa với lợi ích của Nhà nước. Tuy vậy, thực tế hoạt động cho thấy, giữa giới thương nhân với chủ doanh nghiệp cũng có sự cạnh tranh. Tuy có các biện pháp nhằm hạn chế hay ban hành các quy tắc hoạt động, nhưng lợi ích giữa thương nhân với Nhà nước cũng chẳng lúc nào tương ứng được với nhau.

Trên thực tế, chỉ có một số ít được hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế trong khi

quảng đại quần chúng không khá lên bao nhiêu. Xét cho cùng, những tầng lớp\giai cấp được hưởng lợi từ chính sách duy thương lại là các đối tượng: tư sản\ tư bản thương nghiệp, hoàng gia, quan lại trong bộ máy nhà nước chuyên chế, những người đi thuê mướn hay nói rộng ra là giới thương nhân. *Lần đầu tiên lợi nhuận từ một chính sách của Triều đình lại đem lại lợi nhuận cho giới tư bản.* Chính đó là một trong những nguyên nhân đưa đến sự phản kháng của người dân giữa thế kỷ XVII, như trường hợp nổi dậy ở thành phố Caen, Lyon hay Angers năm 1630. Còn ở hải ngoại, dân chúng ở các xứ bị thuộc địa hóa đứng lên chống lại các thể chế áp đặt, bảo vệ nền văn hóa riêng và bảo vệ nguồn tài nguyên đang bị khai thác từng ngày. Trong đó nổi lên vụ tố cáo hiệp định buôn bán nô lệ da đen ký kết giữa Công ty Pháp Ghinê với

vua Tây Ban Nha, với việc Công ty cung cấp cho vương quốc này mỗi năm gần 4 vạn nô lệ.

Tất cả hệ quả trên làm cho chủ nghĩa trọng thương ở Pháp chao đảo và bất lực trước hoạt động của hội mang màu sắc chính trị nhân văn (*société politique humaine*), một hội chủ trương chống lại khuynh hướng duy thương lúc đó.

Nếu như trên đây là hệ quả trái chiều của chủ nghĩa duy thương thì, như một quy luật tất yếu, sẽ sinh ra những nhận thức kinh tế, tư tưởng kinh tế mới, đó chính là sự nổi lên của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa tư bản. Tiêu biểu nhất cho khuynh hướng mới ở Pháp lúc này là Pierre Le Pesant de Boisguilbert (1646-1714)²⁵ (cháu họ của Thống chế Vauban dưới thời Louis XIV), được coi là một trong số cha đẻ của chủ nghĩa tư do kinh tế của Pháp (đồng thời là một trong những người đề ra khái niệm về kinh tế thị trường). P.P. de Boisguilbert là một trong những người tiên phong phê phán luận thuyết của chủ nghĩa trọng thương của Colbert.

Trong tác phẩm chính của mình: *Le Détail de la France, la cause de la diminution de ses biens et la facilité du remède en fournissant en un mois tout l'argent dont le Roi a besoin et enrichissant tout le monde*, P.P. de Boisguilbert đã vạch

rõ sự bản cùng hóa đến thảm hại của tất cả mọi tầng lớp (lao động) của Pháp do chế độ kinh tế tồi tệ được thực thi dưới thời Colbert. Ông phê phán mạnh nhất sự thờ ơ của Colbert đối với lĩnh vực nông nghiệp. Sự giàu có được thúc đẩy từ sản xuất và trao đổi buôn bán chứ không quan trọng ở khối lượng tiền tệ qua lưu thông và việc trích trữ từ các kim loại quý. P.P. de Boisguilbert tán dương tự do thương mại, nhất là buôn bán ngũ cốc và cải cách thuế. P.P. de Boisguilbert chủ trương cải cách hệ thống thuế, tăng sản phẩm quốc nội, xóa bỏ thuế gián tiếp đối với rượu, quyền hải quan xuất, nhập, mở rộng tự do buôn bán hơn nữa... Tư tưởng lý thuyết của P.P. de Boisguilbert được tóm lược: *tiêu thụ là nguồn gốc của sự phát triển thịnh vượng, cần bãi bỏ thuế*.

Đối với chính sách tiền tệ, việc định giá không cần có sự can thiệp của Nhà nước, phải để tự nhiên; Giá cả không bị bó buộc; Nhà nước không được can thiệp vào thị trường... Nhìn chung, lý lẽ của P.P. de Boisguilbert đơn giản là: *nếu Nhà nước ấn định giá quá thấp thì sẽ làm nản lòng người bán, họ sẽ tìm hàng vì như vậy sẽ tốt hơn là bán rẻ, [hay] thua lỗ. Đó sẽ là sự cáo chung của hoạt động buôn bán/thương mại vì chẳng ai có thể tìm thấy ở thị trường những thứ người ta cần*.

Tuy vậy, quan trọng hơn cả, theo Boisguilbert, là đảm bảo được thị trường tiêu thụ. Mọi ngành nghề trong nước suy cho cùng là phục vụ lẫn nhau trong thị trường. Tốt hơn hết là tự do thương mại. Boisguilbert tin rằng, nguồn gốc chủ yếu của

²⁵ Sinh tại Rouen trong một gia đình quý tộc cũ ở Normandy, Boisguilbert học tại Rouen và giảng dạy tại Petites écoles de Port-Roya, trở thành thẩm phán ở Montivilliers, năm 1690 là chủ tịch cơ quan luật pháp ở Rouen và giữ vị trí đó cho đến khi qua đời.

thị trường tiêu thụ nằm ở buôn bán trong nước, lên án mạnh mẽ những nguyên lý của chủ nghĩa trọng thương đối với thuế khóa, tiền tệ và xí nghiệp sản xuất.

Cùng với Adam Smith (cha đẻ của hệ thống lý thuyết chủ nghĩa tư bản công nghiệp) và Jean-Baptiste Say, P.P. de Boisguilbert là người khởi xướng thuyết trọng nông. Lúc này, những nhà lý thuyết trên có cơ hội phê phán chủ nghĩa trọng thương, coi chủ nghĩa đó là một hệ thống tư tưởng và nền hành chính sai lầm và “đáng ghét”, một thứ chủ nghĩa trọng thương cứng nhắc và chính sách thương mại có giới hạn.

4. Nhận xét

Thực tế lịch sử cho thấy, chủ nghĩa trọng thương là sản phẩm tất yếu của giai đoạn tích lũy nguyên thủy và chuyển dần từ kinh tế hàng hóa giản đơn sang kinh tế thị trường. Chủ nghĩa trọng thương mặc dù ít mang tính lý luận (dựa nhiều vào kinh nghiệm) cũng như những hạn chế khác, nhưng nó là hệ tư tưởng kinh tế sơ khai của chủ nghĩa tư bản, là hệ tư tưởng kinh tế đầu tiên của giai cấp tư sản. Ở mỗi nước, trong mỗi khu vực, với những hoàn cảnh lịch sử khác biệt, chủ nghĩa trọng thương có những đặc điểm tương đồng và dị biệt. Hơn nữa, bản thân mỗi nước ở từng giai đoạn cũng có những biểu hiện khác nhau.

Một trong những điểm khác biệt căn bản của chủ nghĩa trọng thương Pháp là sự can thiệp và bảo hộ của Nhà nước vào hoạt động ngoại thương, một lĩnh vực được chính giới Pháp coi là cuộc cạnh tranh ngoại thương hay chính là *cuộc chiến tranh tiền bạc*. Hơn

nữa, những biểu hiện đó đã khiến nhiều nhà nghiên cứu cho rằng *chủ nghĩa trọng thương Pháp mang tính công thức hơn nhiều so với chủ nghĩa trọng thương ở Anh, hay những quốc gia Tây Âu đương thời*.

Thực tế, trong thời gian ngắn, Pháp đã trở thành nước đứng đầu châu Âu nhờ chính sách trọng thương, nhất là dưới thời Colbert. Không chỉ ở chính quốc, hoạt động kinh tế ở thuộc địa được đầu tư và tổ chức hoàn bị phục vụ cho chính quốc, đáp ứng mục tiêu tối cao *"sức mạnh và sự giàu có"* vốn được giới duy thương và hoàng gia Pháp tán dương một thời.

Tuy vậy, sự sụp đổ nhanh chóng tư duy duy thương kiểu Colbert là hệ quả của những chính sách kinh tế, hệ quả của việc đầu tư quá lớn vào chiến tranh, bỏ qua những lĩnh vực kinh tế khác... cũng như biểu hiện bản chất của nhà nước Pháp dưới thời vua Louis XIV, để lại hệ quả lâu dài cho kinh tế-xã hội Pháp sau này.

Sự ra đời của chủ nghĩa trọng thương cũng là khởi đầu quá trình mở rộng thuộc địa của người châu Âu, chắc chắn đó không phải là hệ kết quả ngẫu nhiên. Nếu như ở thế kỷ XVII, mối quan hệ giữa chính quốc và thuộc địa đã được đặt ra, thì phải đến thế kỷ XVIII, với sự phát triển của tư tưởng kinh tế tự do, vấn đề trên mới phải xem xét lại, đặt ra bức thiết hơn cho các nhà tư tưởng Tây Âu. Từ đó cũng đưa đến những hình thức khai thác thuộc địa khác nhau, tư tưởng kinh tế chuyển sang dạng thức mới, và mục đích của các công ty cũng chuyển sang dạng thức kiếm lời mới, tiến gần hơn với bản chất của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XVIII - XIX.